

UNIT 4

Class	New Word	Meaning
		đo lường
		biện pháp
		mức độ, cân đo, vảy cá
		bình giữ nhiệt
		bình (có tay cầm)
		ấm nước
		có khả năng, có thể
		số lượng
		đánh giá
		vận chuyển
		thay đổi hình dạng
		những thứ xung quanh
		xung quanh
		chất lỏng
		cực kì
		bao vây
		chính xác
		thủy thủ
		cân bằng
		có nguồn gốc từ, nguyên bản
		nguồn gốc
		khí hậu
		cấu trúc
		liên quan đến khoa học
		dụng cụ, nhạc cụ

UNIT 4

Class	New Word	Meaning
		chứa đựng
		cột
		ống
		bảo tồn
		sự bảo tồn
		khí quyển, bầu không khí
		từ xa
		thiết bị
		điều tra
		xa (về khoảng cách)
		kĩ thuật số
		tình cờ, ngẫu nhiên
		tai nạn
		cẩn thận, có chú tâm
		vận hành bằng cơ số
		vật dẫn
		lưu lại
		điện năng
		vật cách điện
		điển hình
		mạch điện
		tinh thể
		phủ ngoài
		gấp
		trung bình

UNIT 4

Class	New Word	Meaning
		nghiêm ngặt, nghiêm khắc
		xuất chúng
		từ chối
		trong khi đó
		nhất định
		thạch
		thiết yếu, quan trọng
		lấy, thu
		tinh dầu
		sự chưng cất
		sự lên men
		nhân tạo
		thịt xông khói
		chiết xuất
		tổng hợp
		gây hại, làm nhiễm độc
		sự có nghĩa
		hỗn hợp
		nguyên liệu
		hợp chất
		nguyên tố
		nguyên tử
		tỉ lệ
		giống hệt
		quy định, luật lệ